TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/DS-ST.
Ngày: 06/11/2019
V/v Tranh chấp dân sự
về chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Mỹ Lợi

Bà Thạch Thị Thúy Ái

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc "*Tranh chấp dân sự về chia thừa kế"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự

1. *Nguyên đơn:* Ông T, sinh năm 1941
Địa chỉ: Số 47, ấp U, xã P, thành phố S, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông V, là đại diện ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 22/10/2018.
Địa chỉ: Số 116, khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn*: Anh Đ, sinh năm 1982
Địa chỉ: Số 47, ấp U, xã P, thành phố S, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị L, là đại diện ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 20/02/2019.
Địa chỉ: Số 03, TL 848, khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Chị A, sinh năm 1983

3.2. Chị R, sinh năm 2001

Cùng địa chỉ: Số 47, ấp U, xã P, thành phố S, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan R có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông T ủy quyền cho ông V trình bày:*

Ông T và bà H1 là vợ chồng. Ông T và bà H1 chung sống có 01 người con tên Đ, sinh năm 1982. Bà H1 chết năm 1998, không để lại di chúc.

Trong quá trình chung sống, ông T và bà H1 có tạo lập được phần đất diện tích khoảng 1000m^2 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 (nhà đất tọa lạc tại số 47, ấp U, xã P, thành phố Sa Đéc. Nguồn gốc là của ông B sang nhượng lại cho ông T và bà H1 vào năm 1982. Ông T và bà H1 quản lý sử dụng đến năm 1998 thì bà H1 chết.

Sau khi bà H1 chết, ông T tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất trên đến năm 2000 đăng ký kê khai xin cấp giấy. Ngày 28/7/2000 UBND thị xã Sa Đéc (nay là thành phố Sa Đéc) cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho hộ ông T diện tích 930m^2 gồm thửa 1833 diện tích 150m^2 và thửa 1835 diện tích 780m^2. Ngày 18/10/2000, ông T làm thủ tục sang tên cho bà N diện tích 626,77m^2 (phần đất này khi bà H1 còn sống đã chuyển nhượng cho bà N nhưng chưa sang tên, sau khi ông T được cấp giấy thì mới làm thủ tục chuyển nhượng cho bà Thọ), diện tích còn lại 303,23m^2. Đến năm 2002 ông T có đơn xin cấp đổi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, xin bổ sung thêm diện tích 476m^2 (do trước đây kê khai không chính xác).

Ngày 07/02/2003, Ủy ban cấp lại Giấy chứng nhận cho hộ ông T diện tích 50m^2 thuộc thửa 1833 và 729,23m^2 thuộc thửa 1835 cùng tờ bản đồ 02. Đến ngày 17/02/2003, ông T chuyển nhượng diện tích 307m^2 thuộc một phần thửa 1835 cho ông K, diện tích còn lại của thửa 1835 là 472,23m^2. Khi ông T chuyển nhượng đất cho ông K, anh Đ có biết nhưng không tranh chấp hay khiếu nại gì. Số tiền chuyển nhượng đất cho ông K khoảng 100.000.000đ. Sau khi trừ tiền thuế, còn lại khoảng 90.000.000đ, ông T đã sử dụng vào việc sửa chữa căn nhà chính số 47, cho anh Đ 5.000.000đ làm nhà tiền chế để buôn bán; mua cho chị A (vợ anh Đ) 05 chỉ vàng 24K là 11.000.000đ, số tiền còn lại chi tiêu sinh hoạt trong gia đình.

Ngày 28/12/2009, Ủy ban cấp đổi lại giấy chứng nhận cho hộ ông T diện tích 353,7m^2 thuộc thửa 141 tờ bản đồ 04 (trong đó có 50m^2 đất thổ, diện tích giảm 118,53m^2 do trừ diện tích mương lộ đường Quốc lộ 80).

Ngày 27/7/2018, Ủy ban nhân dân thành phố Sa Đéc có quyết định số 437/QĐUBND thu hồi diện tích 17,9m^2 đất thổ để thực hiện đầu tư xây dựng công trình đường Nguyễn Sinh Sắc và bồi thường cho ông T số tiền 88.394.800đ, ông T

cho anh Đ 55.000.000đ, số tiền còn lại ông T quản lý. Diện tích còn lại 335,8m^2 (đo đạc thực tế 354,1m^2).

Nay ông T yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất diện tích 354,1m^2 thuộc thửa 141, tờ bản đồ 04 được Ủy ban nhân dân thành phố Sa Đéc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T và tài sản gắn liền với đất là căn nhà chính số 47, Nguyễn Sinh Sắc. Cụ thể ông T yêu cầu được chia ¾ tài sản, ông T yêu cầu nhận hiện vật là phần đất diện tích 354,1m^2 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà số 47, ấp U, xã P, thành phố S (hiện anh Đ đang quản lý, sử dụng). Ông T đồng ý chia cho anh Đ ¼ giá trị thửa đất với giá là 3.400.000đ/m^2 (mức giá mà ông T yêu cầu) thành tiền là 354,1m^2 x 3.400.000đ x ¼ = 300.985.000đ và ¼ giá trị căn nhà chính là 11.629.000đ.

Đối với phần giá trị căn nhà phụ là 19.419.000đ; nhà tiền chế phía trước là 22.800.000đ, cây trồng là 3.245.000đ của anh Đ, ông T đồng ý trả giá trị cho anh Đ theo giá Hội đồng định giá đã định.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T yêu cầu được quản lý toàn bộ phần đất, nhà chính, nhà phụ, nhà tiền chế, cây trồng và đồng ý chia cho anh Đ số tiền 400.000.000đ.

Đối với số tiền 88.394.800đ được Nhà nước bồi thường do thu hồi diện tích 17,9m^2 đất ONT để thực hiện đầu tư xây dựng công trình đường Nguyễn Sinh Sắc, ông T không tranh chấp yêu cầu chia.

Đối với phần tài sản (mộ, nhà mộ) có trên phần đất khu mộ ông T không tranh chấp yêu cầu chia.

** Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Đ ủy quyền cho chị L trình bày:*

Về nguồn gốc phần đất tranh chấp, anh Đ thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn. Ông T và bà H1 chung sống có 01 người con là anh Đ, ngoài ra không còn người con nào khác. Sau khi bà H1 chết, không để lại di chúc, nhà và đất tranh chấp do ông T và anh Đ cùng quản lý, sử dụng. Đến năm 2000, ông T đăng ký kê khai và được Ủy ban nhân dân thị xã Sa Đéc (nay là thành phố Sa Đéc) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T, hộ ông T gồm có ông T và anh Đ.

Năm 2003, ông T chuyển nhượng cho ông K diện tích là 307m^2 thuộc một phần thửa 1835 với số tiền theo hợp đồng chuyển nhượng là 65.000.000đ. Tuy nhiên giá trên thực tế trên 100.000.000đ, nhưng anh Đ không có giấy tờ chứng minh. Sau đó, ông T có sử dụng số tiền chuyển nhượng đất vào việc sửa chữa căn nhà chính khoảng 10.000.000đ đến 20.000.000đ, số tiền còn lại ông T chi xài cá nhân. Tại thời điểm ông T chuyển nhượng đất cho ông K thì phần đất trên cấp cho hộ (hộ gồm có ông T và anh Đ). Anh Đ có biết việc ông T chuyển nhượng đất cho ông K, nhưng anh Đ không có ký tên trên hợp đồng chuyển nhượng. Vì anh Đ cho rằng tài sản nhà, đất trên là tài sản chung của ông T và bà H1 cùng tạo lập nên ông T có quyền định đoạt ½ tài sản trong khối tài sản chung của ông T và bà H1, phần diện tích còn lại là di sản của bà H1. Do đó, khi ông T chuyển nhượng phần đất diện tích 307m^2 cho ông K, anh Đ không có thắc mắc khiếu nại hay yêu cầu tranh chấp.

Ngày 28/12/2009, Ủy ban cấp đổi giấy chứng nhận cho hộ ông T diện tích 353,7m^2 thuộc thửa 141 tờ bản đồ 04. Ngày 27/7/2018, Ủy ban thu hồi diện tích 17,9m^2 đất thổ để thực hiện đầu tư xây dựng công trình đường Nguyễn Sinh Sắc, diện tích còn lại 335,8m^2 (đo đạc thực tế 354,1m^2) và bồi thường cho ông T số tiền 88.394.800đ, ông T có cho anh Đ 55.000.000đ, số tiền còn lại ông T quản lý.

Nay anh Đ không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh Đ xác định phần diện tích đất còn lại và căn nhà chính số 47 là di sản thừa kế của bà H1. Hàng thừa kế thứ nhất của bà H1 gồm có ông Thẹo và anh Đ. Nên, ông T và anh Đ mỗi người được chia ½ suất thừa kế. Anh Đ yêu cầu được chia phần đất diện tích 247,4m^2 thuộc một phần thửa 141 (hình 1, 2, 3, 4, 5, 7) và tài sản có trên đất (nhà chính) thể hiện từ mốc 1 – 2 – 3 – 4 - 5 – 18a – 11 – 12 – 13 – 1. Anh Đ đồng ý chia cho ông T được sử dụng phần đất khu mộ (hình 6, 5B) diện tích 106,7m^2 thể hiện từ mốc 7 – 8 – 9 -10 – 11 – 18 – 18a – 6 (theo mảnh trích đo địa chính số 136 – 2019 ngày 19/9/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đéc). Phần tài sản (đất và nhà chính số 47) anh Đ được chia có giá trị cao hơn phần ông T được chia, anh Đ đồng ý trả giá trị chênh lệch tài sản cho ông T theo quy định.

Đối với phần giá trị căn nhà phụ là 19.419.000đ; nhà tiền chế phía trước là 22.800.000đ, cây trồng là 3.245.000đ của anh Đ và chị A tạo lập. Anh Đ không tranh chấp yêu cầu chia.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ phần đất diện tích 354,1m^2, nhà chính. Đồng ý chia cho ông T ½ giá trị phần đất và ½ giá trị căn nhà chính theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

Đối với phần tài sản (mộ, nhà mộ) có trên phần đất khu mộ, anh Đ không tranh chấp yêu cầu chia.

Đối với số tiền 88.394.800đ được Nhà nước bồi thường do thu hồi diện tích 17,9m^2 đất ONT để thực hiện đầu tư xây dựng công trình đường Nguyễn Sinh Sắc, anh Đ không tranh chấp yêu cầu chia.

Đối với phần đất diện tích 626,77m^2, ông T làm thủ tục chuyển nhượng sang tên cho bà O vào 18/10/2000, anh Đ không tranh chấp yêu cầu chia. Vì phần đất này được chuyển nhượng khi bà H1còn sống nhưng chưa sang tên, sau khi ông T được cấp giấy thì mới làm hợp đồng sang tên cho bà O

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị A (vợ anh Đ) trình bày:*

Chị A thống nhất theo lời trình bày của anh Đ về nguồn gốc đất tranh chấp. Trong quá trình sống chung nhà với ông T, chị A và anh Đ có xây dựng thêm phần nhà phụ phía sau và nhà tiền chế phía trước. Nay chị A thống nhất với ý kiến của anh Đ. Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị R (con anh Đ) trình bày:*

Mặc dù phần đất tranh chấp cấp cho hộ, trong hộ có chị R. Tuy nhiên, về nguốc gốc đất là của ông bà nội T và H1 tạo lập. Chị R không có công sức đóng góp gì. Do đó, chị R không có ý kiến hay yêu cầu tranh chấp gì đối với phần đất trên. Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Các đương sự đều thống nhất xác định phần đất tranh chấp diện tích là 354,1m^2 là của ông T và bà H1 cùng tạo lập. Anh Đ cho rằng, vào khoảng năm 2003 khi ông Tchuyển nhượng diện tích 307m^2 thuộc một phần thửa 1835 cho ông K là ông T đã nhận ½ giá trị tài sản trong khối tài sản chung của ông T với bà H1 và số tài sản còn lại gồm đất và nhà đang tranh chấp là di sản của bà H1 chết để lại. Tuy nhiên, khi ông T chuyển nhượng đất cho ông K, anh Đ có biết, nhưng không có tranh chấp gì với ông T và số tiền nhận chuyển nhượng ông T cũng sử dụng vào việc tu sửa căn nhà chính mà các đương sự đang tranh chấp. Ngoài ra, từ khi bà H1 chết vào năm 1998 đến nay anh Đ cũng không có yêu cầu cơ quan có thẩm quyền nào phân chia phần di sản do bà H1 chết để lại, nên việc anh Đ trình bày là không có cơ sở để xem xét.

Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu chia ¾ tài sản nhà, đất (trong đó $^2/_4$ là tài sản ông T được chia trong khối tài sản chung của vợ chồng ông T, bà H1 và ½ là di sản thừa kế mà ông T được hưởng trong phần di sản của bà H1. Chia cho anh Đ được ¼ tài sản nhà, đất là có căn cứ chấp nhận.

Xét thấy hiện nay anh Đ đang trực tiếp quản lý nhà, đất tranh chấp. Ngoài nơi ở này, hiện nay anh Đ cũng không còn nơi ở nào khác. Mặt khác, trong quá trình làm việc với nguyên đơn, nguyên đơn chỉ muốn nhận tiền và giữ lại khu nhà mồ của gia đình. Do đó chia cho anh Đ được sử dụng phần đất diện tích 247,7m^2 và căn nhà chính. Chia cho ông T được sử dụng phần đất khu mộ. Anh Đ có trách nhiệm hoàn trả giá trị chênh lệch tài sản đối với phần đất cho nguyên đơn theo quy định.

- Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá đương sự nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan R có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của ông T về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 354,1m^2 thuộc thửa 141, tờ bản đồ 04 được Ủy ban nhân dân thành phố Sa Đéc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T và tài sản gắn liền với đất (nhà, khu nhà mộ) (tọa lạc tại số 47, ấp U, xã P). Cụ thể ông T yêu cầu được chia ¾ tài sản nhà đất (trong đó $^2/_4$ là tài sản ông T được hưởng trong khối tài sản chung của vợ chồng ông T, bà H1 và ½ là di sản thừa kế mà ông T được hưởng trong phần di sản của bà H1). Ông T yêu cầu nhận hiện vật là phần đất diện tích 354,1m^2 thể hiện từ mốc 1 – 2 – 3 – 4 – 5 – 18a – 6 – 7 – 8 – 9 – 10 – 11 – 12 – 13 – 1 (theo mảnh trích đo địa chính số 136 – 2019 ngày 19/9/2019 của

Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đéc) và tài sản gắn liền với đất. Ông T đồng ý chia cho anh Đ số tiền 400.000.000đ

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Về nguồn gốc đất các đương sự đều thống nhất xác định phần đất tranh chấp do bà H1 và ông T cùng tạo lập từ năm 1982. Như vậy tình tiết này đã được các bên thừa nhận không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và được xác định là tình tiết có thật.

[4] Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện: Bà H1 chết ngày 22/11/1998, thời điểm mở thừa kế là ngày 22/11/1998. Ngày 25/10/2018, nguyên đơn ông T có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà H1, căn cứ Điều 623 của Bộ luật dân sự 2015, thì yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] Về di sản thừa kế: Các đương sự đều thống nhất xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp là ông T và bà H1 cùng tạo lập. Ngày 28/7/2000 UBND thị xã Sa Đéc (nay là thành phố Sa Đéc) cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho hộ ông T diện tích 930m^2 gồm thửa 1833 diện tích 150m^2 và thửa 1835 diện tích 780m^2. Ngày 18/10/2000, ông T làm thủ tục sang tên cho bà O diện tích 626,77m^2, diện tích còn lại 303,23m^2.

Ngày 07/02/2003, Ủy ban cấp đổi lại Giấy chứng nhận cho ông hộ ông T diện tích 50m^2 thuộc thửa 1833 và 729,23m^2 thuộc thửa 1835 cùng tờ bản đồ 02 (diện tích tăng là do trước đây kê khai không chính xác). Đến ngày 17/02/2003, ông T chuyển nhượng diện tích 307m^2 thuộc một phần thửa 1835 cho ông K, diện tích còn lại của thửa 1835 là 472,23m^2. Ngày 28/12/2009, Ủy ban cấp đổi giấy chứng nhận cho hộ ông T, diện tích 353,7m^2 thuộc thửa 141 tờ bản đồ 04 (diện tích giảm do trừ mương lộ). Ngày 27/7/2018, Ủy ban thu hồi diện tích 17,9m^2 đất ONT để thực hiện đầu tư xây dựng công trình đường Nguyễn Sinh Sắc, diện tích còn lại 335,8m^2 (đo đạc thực tế là 354,1m^2, trong đó có 32,1m^2 đất thổ).

Năm 2003, khi ông T chuyển nhượng một phần diện tích 307m^2 thuộc một phần thửa 1835 cho ông K. Mặc dù, phần đất chuyển nhượng cấp cho hộ ông T (trong hộ có anh Đ), nhưng anh Đ không có ký tên trong hợp đồng chuyển nhượng. Tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Đ thừa nhận có biết việc ông T chuyển nhượng đất cho ông K và không có tranh chấp hay khiếu nại gì. Hơn nữa số tiền chuyển nhượng đất cho ông K, sau đó ông T cũng đã sử dụng vào việc tu sửa căn nhà chính mà các đương sự cũng đang tranh chấp, chi tiêu sinh hoạt vào nhu cầu thiết yếu của gia đình (thời gian này ông T còn sống chung với vợ chồng anh Đ). Do đó, đối với ý kiến của anh Đ cho rằng phần đất diện tích 307m^2, mà ông T đã chuyển nhượng cho ông K được xem là ½ tài sản của ông T được hưởng trong khối tài sản chung của vợ chồng ông T, bà H1 và cho rằng phần diện tích đất còn lại, tài sản sản gắn liền với đất (căn nhà chính) là di sản thừa kế của bà H1 để lại và yêu cầu chia đôi (½) là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định phần đất diện tích đo đạc thực tế 354,1m^2 thuộc thửa 141 tờ bản đồ 04 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà chính tọa lạc tại số 47, ấp U, xã P, thành phố S. Trong đó có ½ diện tích đất và ½ căn

nhà chính là phần tài sản mà ông T được hưởng trong khối tài sản chung của vợ chồng ông T, bà H1. Còn lại ½ diện tích đất và ½ căn nhà chính là di sản thừa kế của bà H1 để lại.

Bà H1 chết không để lại di chúc, nên di sản của bà H1 để lại được chia thừa kế theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của bà H1 gồm có ông T và anh Đ. Vì vậy, phần di sản của bà H1 được chia thành 02 phần bằng nhau cho ông T và anh Đ. Theo đó, ông T được hưởng ¾ tài sản nhà, đất tranh chấp (trong đó $^{2}/_{4}$ là tài sản ông T được hưởng trong khối tài sản chung của vợ chồng ông T, bà H1 và ½ là di sản thừa kế mà ông T được hưởng trong phần di sản của bà H1), anh Đ được hưởng ¼ suất thừa kế theo pháp luật.

[6] Xét yêu cầu của ông T yêu cầu được quản lý nhà, đất và khu mộ, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi bà H1 chết, nhà và đất trên ông T và anh Đ trực tiếp quản lý. Trong quá trình quản lý sử dụng, anh Đ có sửa chửa xây dựng thêm phòng ngủ (phía sau nhà chính) và làm theo nhà tiền chế phía trước để buôn bán. Khoảng vài năm gần đây, giữa ông T và anh Đ có xảy ra một số mâu thuẫn, nên ông T ra ngoài thuê nhà trọ sống. Hiện nay tại căn nhà số 47, có anh Đ, chị A (vợ anh Đ) và 02 con của anh Đ đang sinh sống. Ngoài nơi ở hiện nay, gia đình anh Đ không còn nơi ở nào khác.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án ông T trình bày: Nếu anh Đ đồng ý chia cho ông T số tiền 400.000.000đ và giao cho ông T quyền quản lý phần đất khu mộ diện tích 106,7m^2 (không yêu cầu lối đi vào mộ). Ông T đồng ý chia cho anh Đ được quyền quản lý, sử dụng phần đất phía trước diện tích 247,4m^2 (gồm hình 1, 2, 3, 4, 5A, 7) và tài sản gắn liền với đất căn nhà chính. Điều đó, chứng tỏ về phía ông Thẹo cũng không có nhu cầu sử dụng sử dụng nhà và đất tại số 47 mà chỉ muốn nhận tiền và giữ lại phần đất khu nhà mồ của gia đình. Do đó, để đảm bảo cho nhu cầu sinh hoạt, điều kiện buôn bán của anh Đ. Hội đồng xét xử chia cho anh Đ được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 247,4m^2, tại các mốc 1 – 2 – 3 – 4 - 5 – 18a – 11 – 12 – 13 – 1 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà chính tọa lạc tại số 47, ấp U, xã P, thành phố Sa Đéc. Chia cho ông Thẹo được quản lý sử dụng phần đất khu mộ diện tích 106,7m^2 tại các mốc 18a – 6 – 7 – 8 – 9 – 10 – 11 – 18a (trên đất hiện nay có nhà mộ, 03 phần mộ, 01 kim tĩnh)

Do phần tài sản (đất) anh Đ được chia có giá trị cao hơn phần tài sản ông T được chia, nên anh Đ có trách nhiệm hoàn trả giá trị chênh lệch tài sản cho ông T.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 08/3/2019, ngày 08/10/2019 các đương sự thống nhất phần đất tranh chấp có giá: Đất thổ là 4.800.000đ x 32,1m^2 = 154.080.000đ; Đất cây lâu năm là 1.800.000đ x 322m^2 = 579.600.000đ; Nhà chính 51,5m^2 x 2.258.000đ x 40% = 46.514.800đ (làm tròn 46.515.000đ). Do đó, anh Đ có trách nhiệm chia cho ông T ¾ giá trị căn nhà chính là 34.886.250đ (làm tròn là 34.886.000đ); trả giá trị chênh lệch tài sản thừa kế cho ông T đối với phần đất là 358.200.000đ.

Đối với phần lối đi vào khu mộ, ông T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với tài sản có trên phần đất khu mộ (nhà mộ, mộ), các đương sự không tranh chấp yêu cầu chia nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 88.394.800đ được Nhà nước bồi thường do thu hồi diện tích 17,9m^2 đất ONT để thực hiện đầu tư xây dựng công trình đường Nguyễn Sinh Sắc, các đương sự không tranh chấp yêu cầu chia, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với phần căn nhà phụ; nhà tiền chế phía trước (quán nước); cây trồng. Ông T xác định là của anh Đ và chị A. Ông T không tranh chấp yêu cầu chia nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với ý kiến của chị A (vợ anh Đ) và chị R (con anh Đ) xác định: mặc dù phần đất tranh chấp cấp cho hộ, trong hộ có chị A, R. Tuy nhiên, nguốc gốc đất là của ông T và bà H1 tạo lập. Chị A, chị R không có công sức đóng góp nên không tranh chấp gì đối với phần đất trên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T và anh Đ phải chịu án phí tương ứng với phần tài sản (suất thừa kế) được chia. Tuy nhiên do ông T là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ án phí theo quy định Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án:

[9] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Số tiền là 2.659.000đ, ông T tự nguyện nộp, đã nộp đủ và chi xong.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 611, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T về việc yêu cầu chia thừa kế.

Buộc anh Đ giao cho ông T được thừa kế phần đất khu mộ diện tích 106,7m^2 trong phạm vi các mốc 18a – 06 – 07 – 08 – 09 – 10 – 11 – 18a, thuộc một phần thửa

141, tờ bản đồ 04. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cấp cho hộ T vào ngày 28/12/2009. Đất tọa lạc tại số 47, ấp U, xã P, thành phố S (hiện anh Đ đang quản lý).

Buộc ông T chia thừa kế cho anh Đ được quyền tiếp tục, quản lý sử dụng phần đất diện tích 247,4m^2, trong phạm vi các mốc 01 – 02 – 03 – 04 - 05 – 18a – 11 – 12 – 13 – 01 thuộc một phần thửa 141 tờ bản đồ 04 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà chính tọa lạc tại số 47, ấp U, xã P, thành phố S. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cấp cho Hộ T vào ngày 28/12/2009 (hiện anh Đ đang quản lý sử dụng).

Buộc anh Đ chia thừa kế cho ông T ¾ giá trị căn nhà chính là 34.886.000đ; Trả giá trị chênh lệch tài sản thừa kế cho ông T đối với phần đất là 358.200.000đ. Tổng cộng là 393.086.000đ (ba trăm chín mươi ba triệu không trăm tám mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Ông T và anh Đ có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc và mảnh trích đo địa chính số 136 – 2019 ngày 19/9/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đéc).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông T.

Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia là 9.752.000đ (chín triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn đồng)

*Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản:*Số tiền là 2.659.000đ, ông T tự nguyện nộp, đã nộp đủ và chi xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan R vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt, niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự (04 bản);
- Tòa án Tỉnh Đồng Tháp (01 bản)
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Sa Đéc (02 bản);
- Chi cục Thi hành án Dân sự TP. Sa Đéc (01 bản)
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (04 bản);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy